TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/DS-PT
Ngày: 25/7/2024
V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diền-Kiểm sát viên.

Trong 25/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLPT-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2024/QĐ-PT ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Biện Công N - Luật sư của Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 181/9, đường N, Khóm 3, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Văn Ph, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bà Võ Thị Cà B, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ngô Văn Ph:

1. Ông Phạm Minh T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 321, hẻm 9, ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

2. Bà Lê Thị Trúc L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 197, đường H, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân P. Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Ngọc L; Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Ông Ngô Văn B, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Ông Ngô Văn Kh, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Bà Dương Thị D, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- Ông Triệu Minh Tr, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- Bà Hoa Thị C, sinh năm 1948; Địa chỉ cư trú: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Ngô Văn Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngô Thị T trình bày như sau:

Vào năm 2006, ông Ngô Văn B1 (B1) (em ruột bà Ngô Thị T) và bà Lê Thị Ph (mẹ ruột bà T) có cho ông Ngô Văn Ph (anh ruột của bà T) mượn 01 công đất ruộng (diện tích đo đạc thực tế 1.380.4m^2) nằm trong diện tích chung là 7.700m^2 tại thửa đất số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do bà Lê Thị Ph đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc cho mượn ông B1 có nói khi nào bà Ph chết sẽ lấy đất lại. Năm 2016, bà Ph

làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn B1. Đến năm 2020, ông B1 chết, ông B1 không có vợ con, chỉ có bà Ph là hàng thừa kế thứ nhất nên bà Ph làm thủ tục thừa kế và được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động sang tên cho bà Ph theo đúng quy định. Đến ngày 10/5/2021, bà Ph tặng cho lại bà T quyền sử dụng đất này vì từ trước đến nay bà T là người trực tiếp nuôi bà Ph lúc tuổi già và đứng ra trả số nợ của ông B1 nợ trước khi chết. Đến ngày 24/8/2022 âm lịch, bà Lê Thị Ph chết, sau đó ông Ngô Văn Ph yêu cầu bà T phải cắt chuyển quyền sử dụng đất 01 công đất mà trước đó bà Ph và ông B1 cho ông Ph mượn để ông Ph đứng tên nhưng bà T không đồng ý vì phần đất ruộng trước đây bà Ph còn sống đã cho ông Ph rồi, còn 01 công đất tranh chấp là bà Ph và ông B1 cho ông Ph mượn, trước khi bà Ph chết thì đã cho lại bà T nay ông Ph có ý đồ chiếm luôn 01 công đất mà không giao trả lại cho bà T.

Nay, bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B phải giao trả diện tích đất 1.380,4m^2 (theo diện tích đo đạc thực tế) tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, nằm trong diện tích 7.700m^2 do bà Ngô Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Theo đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn Ph và bà Võ Thị Cà B trình bày như sau:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 1.380,4m^2 (theo diện tích đo đạc thực tế) mà bà T yêu cầu vợ chồng ông Ph và bà Cà B giao trả là của bà Lê Thị Ph (mẹ ruột của ông Ph) cho vợ chồng ông Ph vào năm 2006, khi cho chỉ nói miệng và có các anh em trong gia đình biết chứ không có làm giấy tờ. Từ khi ông Ph được cho năm 2006, vợ chồng ông Ph sử dụng ổn định cho đến nay nên việc bà T yêu cầu trả đất thì vợ chồng ông Ph không đồng ý.

Ông Ph và bà Cà B có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 23/4/2021 giữa bà Lê Thị Ph và bà Ngô Thị T. Đồng thời, yêu cầu công nhận cho ông Ph và bà Cà B diện tích 1.380,4m^2 (theo đo đạc thực tế) tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ph và bà Cà B thay đổi một phần yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 23/4/2021 giữa bà Lê Thị Ph và bà Ngô Thị T đối với diện tích đất tranh chấp 1.380,4m^2 (theo đo đạc thực tế) và công nhận cho ông, bà diện tích 1.380,4m^2 (theo đo đạc thực tế) tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân P không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 401, 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với bị đơn ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B về việc yêu cầu ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B giao trả diện tích theo đo đạc thực tế 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B giao trả cho bà Ngô Thị T diện tích theo đo đạc thực tế 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (kèm theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 13/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T), đất có các cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp một phần thửa 492 có số đo: 12,02m + 8,56m + 15,22m;

+ Hướng Tây giáp một phần thửa 761 có số đo: 33,34m + 2,43m;

+ Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 491 có số đo: 27,32m + 5,92m + 5,33m;

+ Hướng Bắc giáp một phần thửa 317 có số đo: 5,82m + 4,64m + 27,55m;

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ngô Văn Ph, Võ Thị Cà B về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 23/4/20214 giữa bà Lê Thị Ph và bà Ngô Thị T đối với diện tích theo đo đạc thực tế 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và công nhận cho ông Ph, bà Cà B diện tích theo đo đạc thực tế 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Đến ngày 11/4/2024, ông Ngô Văn Ph kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.380,4m^2 đất ruộng tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho ông Ngô Văn Ph và bà Võ Thị Cà B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút yêu cầu phản tố và giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của bà Lê Thị Ph. Sau đó, bà Ph đã tách chia cho các con nhưng chỉ phần đất tranh chấp là không tách chia cho ai vì phần đất này bà Ph cho ông B1, ông B1 cho ông Ph mượn chứ không phải bà Ph cho đất ông Ph. Sau khi ông B1 chết thì bà Ph là người thừa kế duy nhất phần đất của ông B1 đứng tên, sau đó bà Ph lập Hợp đồng tặng cho bà T là hợp pháp. Đồng thời, các anh em của bà T đều có mâu thuẫn với bà T, trong khi đó, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng bà Ph lúc tuổi già nên bà Ph cho đất bà T là hợp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc bà Lê Thị Ph cho đất bị đơn chỉ nói miệng, không làm giấy tờ nhưng có các người con còn lại biết, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm thì những người làm chứng gồm ông Đ, ông B, ông Kh, bà K đều xác nhận bà Ph cho đất ông Ph là sự thật. Khi bà Ph tuổi già, tinh thần không còn minh mẫn, bà T kề cận nên đã làm thủ tục tặng cho phần đất tại thửa 491 từ bà Ph sang cho bà T. Đồng thời, Uỷ ban nhân dân xã có ra thông báo về việc xác định di sản thừa kế của ông B1 nhưng do bị đơn không biết nên không làm thủ tục tách phần đất đang tranh chấp ra cho bị đơn. Hơn nữa, Đơn xin đăng ký biến động do bà T lập trước ngày lập Hợp đồng tặng cho giữa bà Ph và bà T, cán bộ địa chính xã cũng xác nhận nhưng không ghi ngày tháng là chưa phù hợp. Ngoài thửa đất 491 thì các thửa đất còn lại các anh em của bị đơn đều thống nhất để cho bà T quản lý sử dụng. Nay nguyên đơn dựa vào Hợp đồng tặng cho để yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đang tranh chấp xét về tình và lý là không phù hợp vì bị đơn đã quản lý sử dụng gần 20 năm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/4/2021 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị Ph với bên được tặng cho là bà Ngô Thị T và công nhận phần đất tranh chấp cho ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Ngô Văn Ph và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xem xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân P - Bà Quách Ngọc L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Những người làm chứng ông Ngô Văn Kh, bà Võ Thị N, ông Triệu Minh Tr và bà Hoa Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo do bị đơn Ngô Văn Ph lập và nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 11/4/2024 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của ông Ph theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Ngô Văn Ph, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Phần đất tranh chấp giữa các bên đương sự có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nằm trong diện tích 7.700m^2 do bà Ngô Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo nguyên đơn Ngô Thị T xác định được mẹ ruột là bà Lê Thị Ph tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/4/2021. Bị đơn ông Ngô Văn Ph thì cho rằng phần đất đang tranh chấp ông được bà Lê Thị Ph cho vào năm 2006, khi cho chỉ nói miệng, không có lập thành văn bản. Xét thấy, các bên đương sự thừa nhận thửa đất số 491, diện tích 7.700m^2, có nguồn gốc là của bà Lê Thị Ph (mẹ ruột của các bên đương sự), bà Ph đứng tên trên Sổ mục kê và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/12/1992. Sau đó đến ngày 05/5/2016, bà Ph lập Hợp đồng tặng cho con ruột là Lê Văn Bấp toàn bộ diện tích tại thửa 491. Đến ngày 21/10/2020, ông B1 chết (ông B1 không có vợ, con) nên bà Ph được nhận thừa kế toàn bộ phần đất nêu trên vào ngày 15/4/2021. Sau đó, bà Ph làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất nhận thừa kế từ ông Lê Văn Bấp cho bà Ngô Thị T vào ngày 23/4/2021. Xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/4/2021 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị Ph với bên được tặng cho là bà Ngô Thị T được lập thành văn bản, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh Sóc Trăng số chứng thực 112, quyển số 01-SCT/HĐ,GS ngày 23/4/2021 là phù hợp theo quy định tại Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013. Sau khi chứng thực hợp đồng tặng cho, bà T đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 769732, số vào sổ cấp GCN: CS07494 ngày 10/5/2021 đối với diện tích 7.700m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Mặc khác, tại Biên bản xác minh ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đối với bà Sơn Thị A Lương - Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị (bút lục số 103) và Biên bản xác minh cùng ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đối với bà Dương Thị D (bút lục số

108) và ông Triệu Minh Tr (bút lục số 111) - là 02 người ký tên chứng kiến trong hợp đồng tặng cho, đều xác định nội dung bà Ph tặng cho bà T toàn bộ phần đất nền nhà và đất ruộng do bà Ph đứng tên, trạng thái tinh thần của bà Ph tại thời điểm tặng cho đất là hoàn toàn minh mẫn, sức khỏe tốt. Đối với yêu cầu phản tố của ông Ph, bà Cà B về việc hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 23/4/2021 giữa bà Lê Thị Ph với bà Ngô Thị T và công nhận diện tích đất tranh chấp cho ông bà vì ông bà cho rằng được bà Ph cho phần đất tranh chấp vào năm 2006, khi cho chỉ nói miệng, không có lập thành văn bản nhưng có các ông (bà) Lê Văn Đ, Ngô Văn Kh, Lê Thị K, Ngô Văn B chứng kiến. Theo lời khai của những người làm chứng Lê Văn Đ, Ngô Văn Kh, Lê Thị K, Ngô Văn B cho rằng bà Lê Thị Ph đã cho ông Ph phần đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc tặng cho quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực nhưng bị đơn không cung cấp được hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật giữa bà Ph và bị đơn đối với phần đất đang tranh chấp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Ngô Thị T được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị T về việc buộc bị đơn Ngô Văn Ph, Võ Thị Cà B giao trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 1.380,4m^2, tại thửa số 491, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ngô Văn Ph, Võ Thị Cà B về vệc hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/4/2021 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị Ph với bên được tặng cho là bà Ngô Thị T và công nhận cho ông Ngô Văn Ph, bà Võ Thị Cà B diện tích đất nêu trên là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Văn Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần bản án sơ thẩm mà bị đơn Ngô Văn Ph kháng cáo nên ông Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông Ph là người cao tuổi và có đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ph.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Văn Ph. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn Ph được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thành Hữu